

Số: 0320/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0312.22

Ngày : 14/6/2022

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Ngày lấy mẫu (\*) : 07/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Đầu nguồn An Hiệp  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 07/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 07/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	KPH MLOD=0,15 NTU	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,56	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,98	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0312.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**GIÁM ĐỐC**  
**KI. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.



Số: 0321/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0313.22

Ngày : 14/6/2022

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**  
Ngày lấy mẫu (\*) : 07/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Giữa nguồn cầu Cây Da  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 07/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 07/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKDBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6.0 – 8,5	7,32	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,65	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0313.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.



Số: 0322/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0314.22

Ngày : 14/6/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



VLAT 1.229  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**  
Ngày lấy mẫu (\*) : 07/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Cuối nguồn Tăng áp Hàm Luông  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 07/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 07/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBB (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,21	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,95	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0314.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.



Số: 0323/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0315.22

Ngày : 14/6/2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Ngày lấy mẫu (\*) : 07/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Đầu nguồn Sơn Định – Chợ Lách  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 07/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 07/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,51	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,28	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,9	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0315.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chi tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.



Số: 0324/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0316.22

Ngày : 14/6/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



VLAT 1.229  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**  
Ngày lấy mẫu (\*) : 07/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Giữa nguồn: Quán cơm Nhuyễn, ấp Sơn Lân, xã Sơn Định  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 07/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 07/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,44	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,62	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0316.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lit có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ  $k=2$ .



Mã số mẫu : 0317.22

Ngày : 14/6/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**  
Ngày lấy mẫu (\*) : 07/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Cuối nguồn: Phà Tân Phú  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 07/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 07/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKDBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,60	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,16	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,48	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0317.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.



Số: 0317/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0309.22

Ngày : 13/6/2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : **NUỚC ĐÃ XỬ LÝ**  
Ngày lấy mẫu (\*) : 07/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Đầu nguồn: Chi nhánh cấp nước Phú Tân  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 07/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 07/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKDBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,08	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	1,0	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0309.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chi tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.



Số: 0318/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0310.22

Ngày : 13/6/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



VLAT 1.229  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**  
Ngày lấy mẫu (\*) : 07/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Giữa nguồn: Chùa Quan Âm - Tân Thạch  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 07/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 07/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,51	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,09	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,71	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0310.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*): Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.



Số: 0319/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0311.22

Ngày : 13/6/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**  
Ngày lấy mẫu (\*) : 07/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Cuối nguồn: Khu công nghiệp Giao Long  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 07/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 07/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,08	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,5	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0311.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*): Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.



Số: 0327/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0319.22

Ngày : 13/6/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



VLAT 1.229  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**  
Ngày lấy mẫu (\*) : 08/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Đầu nguồn Lương Quới  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 08/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 08/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	6,72	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,9	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0319.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPII: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Phan Thập Huy



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*): Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù  $k=2$ .



Số: 0328/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0320.22

Ngày : 13/6/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



VLAT 1.229  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**  
Ngày lấy mẫu (\*) : 08/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Giữa nguồn Chi nhánh cấp nước Giồng Trôm  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 08/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 08/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBB (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	6,74	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,7	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0320.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chi tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**

**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.



Mã số mẫu : 0321.22  
Ngày : 13/6/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Ngày lấy mẫu (\*) : 08/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Cuối nguồn Bình Thành  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 08/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 08/6/2022– 13/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBB (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	6,72	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,4	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0321.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ  $k=2$ .



Số: 0312/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0304.22

Ngày : 09/6/2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Ngày lấy mẫu (\*) : 06/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Đầu nguồn Sơn Đông  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 06/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 06/6/2022– 09/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,06	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	1,0	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0304.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.



Số: 0313/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0305.22

Ngày : 09/6/2022

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



VLAT 1.229  
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Ngày lấy mẫu (\*) : 06/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : Rửa xe đầu cầu nhà Thương, Phường 5, Thành phố Bến Tre  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 06/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 06/6/2022– 09/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKDBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,07	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,3	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0305.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.



Số: 0314/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0306.22

Ngày : 09/6/2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (\*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre  
Địa chỉ (\*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Tên mẫu (\*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Ngày lấy mẫu (\*) : 06/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu (\*) : 243C, Khu phố 3, Phường 7, Thành phố Bến Tre  
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít  
Ngày nhận mẫu : 06/6/2022  
Thời gian thử nghiệm : 06/6/2022– 09/6/2022

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,06	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,3	/

**Nhận xét:** Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.

Mã số mẫu: 0306.22

**Ghi chú:**

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**TRƯỞNG KHOA**



**Phan Thập Huy**



**Phạm Hồng Thái**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (\*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (\*\*) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.